

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Lam

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đội A, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Vinh Q**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Đội A, ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.

(Bà C, ông Q xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Q tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã gia Kiệm vào ngày 14/4/2002. Đây là lần đăng ký kết hôn lần đầu của bà C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, hiện đã sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm với ông Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Vinh Q.

Về con chung: Bà C, ông Q sinh được 02 con chung là cháu Phạm D, sinh ngày 08/12/2002 và cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 07/02/2005. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo Bà C trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Phạm Vinh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 14/4/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, hiện đã sống ly thân mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa. Nay bà C xin ly hôn ông nhận thấy tình cảm với bà C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng vì ông là người theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 02 con chung là cháu Phạm D, sinh ngày 08/12/2002 và cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 07/02/2005. Hiện các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà C, ông Q.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Yên. Về con chung: Do các con chung là cháu Phạm D, sinh ngày 08/12/2002 và cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 07/02/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Bà C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”; bị đơn đang cư trú tại ấp Đ, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất,

tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Phạm Vinh Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt bà C, ông Q .

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Vinh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 12/4/2002 nên áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Theo bà C trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rồi bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Mặc dù sống chung một nhà nhưng hiện cả hai đã sống ly thân không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc cho nhau. Tại bản khai ông Q thừa nhận trong quá trình sống chung với bà C, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất hòa có khi xảy ra tranh cãi hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau tuy nhiên vì ông theo đạo Công giáo nên không đồng ý ly hôn với bà C.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông Q đã thật sự trầm trọng, các bên đều thừa nhận không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà C xin ly hôn với ông Q là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C .

[2.2] *Về con chung:* Do các con chung là Phạm D, sinh ngày 08/12/2002 và cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 07/02/2005 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* Bà C và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung:* Bà C và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* Bà C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Phạm Vinh Q .

2. Về con chung: Do các cháu Phạm D, sinh ngày 08/12/2002 và cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 07/02/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0007553 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Xuân

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi cư trú;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Xuân